

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân
2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Tòa án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ Đức P;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh P ở thôn Đ, xã A,

huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh P cờ bạc rượu chè về thường xuyên đánh đập vợ con. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng sống từ năm 2017, vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh P, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức P.

Về con chung: Chị và anh Vũ Đức P có 02 con chung là Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 và Vũ Đức Đ, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Vũ Đức Đ2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức Đ1 cho anh Vũ Đức P trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị và anh Vũ Đức P không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Vũ Đức P:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Vũ Đức P đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, song anh P đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đức P.

Về con chung: Giao con chung Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 cho anh Vũ Đức Phong trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức Đ2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Vũ Đức Ph:

Đối với chị Nguyễn Thị T: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24 tháng 7 năm 2018 chị Nguyễn Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Đối với anh Vũ Đức P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Vũ Đức P theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Đức P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc vợ chồng bất hòa căng thẳng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Phong cờ bạc rươi chè về nhà đánh đập chị T. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh P đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị T và anh P. Tuy nhiên anh P vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị T vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, sự tin tưởng, thương yêu anh P, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh P và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Đức P. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức P đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh P là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đức P.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức P có 02 con chung là Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 và Vũ Đức Đ2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án Nguyễn Thị T có quan điểm đề nghị Tòa án giao con

chung Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 cho anh Vũ Đức P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức Đ2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho chị nuôi dưỡng sau ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh Vũ Đức P không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của anh Phong về con chung. Xét quan điểm của chị Nguyễn Thị T đưa ra là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên giao cho chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đức P mỗi người nuôi một con. Do vậy giao con chung Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 cho anh Vũ Đức Phong trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức Đ2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng sau ly hôn, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 31 tháng 8 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T xác định trong quá trình chung sống chị và anh Vũ Đức P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết còn anh Vũ Đức P không có quan điểm gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung sau này nếu hai bên có tranh chấp Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 70, 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đức P.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Đức Đ1, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2005 cho anh Vũ Đức P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Đức Đ2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 31 tháng 8

năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015133 ngày 23 tháng 5 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã A (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi